TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2025
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhựt Thảo;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-An Giang tham gia phiên tòa*:* Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 111/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt);

Số CCCD: 091197013575 cấp ngày 16/9/2021

Cư trú: Ấp Hiệp Bình, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

ĐCLL: Đường DT 743, An Phú 10, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nay là Đường DT 743, phường An Phú, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0373.098.263

* *Bị đơn:* Anh Lê Văn M, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt);

Số CMND: 352375744 cấp ngày 12/3/2015

Cư trú: Ấp Hòa Thành, xã Hòa Bình Thạnh, Châu Thành, An Giang.

Nay là Ấp Hòa Thành, xã An Châu, An Giang.

Điện thoại: 0587.114.336 – 0865.655.594

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 16/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C (cũ). Sau khi cưới thì vợ chồng lên Bình Dương ở trọ làm công nhân sinh sống. Thời gian đầu, cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2023 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung. Anh M không lo tiếp kinh tế gia đình, thường xuyên ăn nhậu, ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh đập, chửi mắng chị. Anh M không tôn trọng, không tin tưởng mà còn nghi ngờ chị trộm tiền. Từ đó vợ chồng không còn êm ấm. Đến tháng 04/2023, chị dẫn hai con đến nhà trọ mẹ ruột chị ở. Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh M có tới lui năn nỉ, chị đã cho anh M nhiều cơ hội, nhưng anh không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Trần Nhật T, sinh ngày 16/05/2016 và Lê Trần Ngọc D, sinh ngày 17/10/2020. Hiện nay hai con đang sống với chị. Khi ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm ăn ở xa nên không thể đến Tòa án được, nên xin được vắng mặt suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng.

** Đối với bị đơn anh Lê Văn M:* Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh M đều vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, anh M có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: anh thống nhất với nội dung trình bày của chị L, do vợ chồng không còn hòa thuận, có nhiều mẫu thuẫn không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung, cấp dưỡng: anh đồng ý giao cháu Lê Trần Nhật T, và Lê Trần Ngọc D cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, nhưng sẽ tới lui chăm sóc con theo khả năng của mình.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh xác định bản thân vẫn đang đăng ký thường trú tại ấp H, xã H (cũ), nay là xã A. Do bận đi làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn, nên anh xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải, xét xử tại Tòa.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị L; Bị đơn anh M: Đều có đơn xin vắng mặt;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-An Giang phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự

từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Lê Văn M; về con chung: giao cháu Lê Trần Nhật T và Lê Trần Ngọc D cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị L và anh Lê Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 11 năm 2016 theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng phù hợp quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị L yêu cầu ly hôn với anh M. Anh M đăng ký thường trú tại xã A, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10- An Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị L; bị đơn anh Lê Văn M đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị L xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh M.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa hai người, nhưng bị đơn anh M đều không đến. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh M theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do anh M không có mặt tại nhà. Tuy nhiên, sau đó anh M có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, nội dung thể hiện anh đồng ý ly hôn với chị L.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L là được ly hôn với anh Lê Văn M.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Chị L thừa nhận giữa chị và anh M có 02 con chung tên Lê Trần Nhật T, sinh ngày 16/05/2016 và Lê Trần Ngọc D, sinh

ngày 17/10/2020. Mặt khác, giấy khai sinh của cháu cũng đã thể hiện rõ điều này, do đó cần công nhận hai cháu là con chung của anh chị. Hiện cháu T và D đang sống với mẹ. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ly thân, hai cháu T và D đã sống với mẹ. Hơn nữa, tại bản tự khai của cháu T thể hiện nguyện vọng là muốn tiếp tục được sống với mẹ, nếu ba mẹ ly hôn. Phía anh M cũng đồng ý giao con cho mẹ nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định tâm lý và đảm bảo phát triển cuộc sống của cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị L là giao cháu T và D cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Anh Lê Văn M có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chị Trần Thị L có yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn M nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị L. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị L đối với anh Lê Văn M.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận 02 cháu Lê Trần Nhật T, sinh ngày 16/05/2016 và Lê Trần Ngọc D, sinh ngày 17/10/2020 là con chung của chị Trần Thị L đối với anh Lê Văn M;

+ Tiếp tục giao cháu Lê Trần Nhật T và Lê Trần Ngọc D cho chị Trần Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành; anh Lê Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu;

+ Chị Trần Thị L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0008192 ngày 03/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - An Giang), được khấu trừ nên chị L đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L; anh Lê Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Kv 10;
- THADS Kv 10;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng TT, KT và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh